

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 23 /GPMT-UBND

Tân Uyên, ngày 07 tháng 5 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH C&H Tarps 01/GPMT-CH ngày 08 tháng 03 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 680./TTr-PTNMT ngày 23./5./2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH C&H Tarps, địa chỉ tại khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất, gia công bạt cuộn PE công suất 8.100.000 kg/năm” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất, gia công bạt cuộn PE công suất 8.011.055 kg/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702367420, đăng ký lần đầu ngày 18/05/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 04/06/2020 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.4 Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000919, chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương cấp

1.4. Mã số thuế: 3702367420

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và gia công bạt

cuộn PE.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của cơ sở: 20.000 m<sup>2</sup> (*Hợp đồng thuê lại Quyền sử dụng đất số 1346/HĐ.TĐ-STNMT ngày 14/5/2014 tại khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương*).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất, gia công bạt cuộn PE công suất 8.011.055 kg/năm.

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu (hạt nhựa, phụ gia) → Ép đùn, tạo sợi (180-285<sup>0</sup>C) → Cuộn sợi → Dệt sợi nhựa → Cán màng chống thấm (hạt màu → Gia nhiệt tạo màu → Cán lên tấm nhựa) → Cuộn KCS → Kiểm tra thành phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH C&H Tarps có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6 Công ty phải ngưng hoạt động, di dời hoặc chuyển đổi công năng đúng thời gian khi có Quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày..07.. tháng..5.... năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, UBND phường Thái Hòa tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật././

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Công ty TNHH C&H Tarps;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND TP;
- Lưu: VT, Đức.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Nguyên**



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22./GPMT-UBND ngày 07 tháng 5... năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng;

Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực nhà ở chuyên gia;

Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực kho phụ tùng;

Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà ăn của công nhân viên;

Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ăn của công nhân viên.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Hệ thống thoát nước bằng các cống BTCT, đường kính  $\phi$  300 mm trên đường ĐT 747B sau đó dẫn ra suối Bung Cù tiếp theo là Suối Cái sau đó chảy ra sông Đồng Nai

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 dòng: 01 hố ga đầu nối cuối cùng nằm phía trước cơ sở sau đó chảy vào đường cống BTCT  $\phi$ 300mm trên đường ĐT 747B → Nhánh suối Bung Cù (cách dự án 1,2km về phía Tây) → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

- Tọa độ X= 1214075.249; Y= 609299.986.

- Điểm xả nước thải cuối cùng của cơ sở trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hố ga đặt tại tường rào phía Bắc của cơ sở (nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hố ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH C&H Tarps".

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 15 m<sup>3</sup>/ngày.

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:



Nước thải sau hệ thống xử lý sẽ tự chảy dọc theo đường công BTCT, đường kính  $\phi$  300 mm kín trên đường ĐT 747B từ vị trí cơ sở chảy thẳng ra nhánh suối Bung Cù (cách cơ sở 1,2km về phía Tây) → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

Hình thức xả thải: Tự chảy

**2.3.2. Chế độ xả nước thải:** Liên tục khi hoạt động

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi chảy vào nhánh suối Bung Cù** (cách cơ sở 1,2km) về phía Tây phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp, cột A,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,2$ ), cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm                | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ |
|----|-----------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------|
| 1  | pH                          | –           | 6-9                       | 3 tháng/lần                |
| 2  | BOD <sub>5</sub>            | mg/l        | 29,7                      |                            |
| 3  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l        | 49,5                      |                            |
| 4  | COD                         | mg/l        | 74,25                     |                            |
| 5  | Nitơ tổng                   | mg/l        | 19,8                      |                            |
| 6  | Photpho tổng                | mg/l        | 3,96                      |                            |
| 7  | Coliform                    | MPN/100ml   | 3.000                     |                            |
| 8  | Amoni (tính theo N)         | mg/l        | 4,95                      |                            |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC Ø90mm chảy về xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải từ bể tự hoại và nước thải rửa tay chân được thu gom bằng đường ống PVC Ø140mm, độ dốc =0,5% về hệ thống xử lý nước thải để được xử lý.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại, nước thải từ nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ → Hồ gom → Bể điều hòa → Bể Aerotank → Bể lắng đứng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → 01 hồ ga đầu nổi → Công thoát nước dọc đường ĐT 747B → Suối Bung Cù → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin, mật rỉ đường.

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị,

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được tuần hoàn về lại hồ thu bể điều hòa. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và vệ sinh đường ống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng xử lý nước và thoát nước.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo giấy phép môi trường.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**



**3.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**3.2.** Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

**3.3.** Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



## Phụ lục 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23./GPMT-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại điều 39 Luật Bảo vệ môi trường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

##### 1.1 Công trình thiết bị xử lý khí thải

- Bụi phát sinh chủ yếu từ quá trình cân định lượng, nhập, trộn nguyên liệu vì vậy tải lượng phát sinh không đáng kể và nằm trong quy chuẩn cho phép vì vậy cơ sở thường xuyên quét dọn, làm sạch bụi rơi vãi. Trang bị bảo hộ lao động, khẩu trang cho công nhân. Bố trí máy móc thích hợp, đảm bảo nhà xưởng thông thoáng. Tận dụng tối đa các giải pháp thông gió tự nhiên, cơ sở thiết kế cao ráo và có độ thông thoáng tự nhiên tốt. Trồng thêm cây xanh xung quanh nhà máy.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

#### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.2. Chủ đầu tư cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.







### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22./GPMT-UBND ngày 07 tháng 5... năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn của khu vực dệt A;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn của khu vực dệt B;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn của khu vực cán màng;
- Nguồn số 04: khu vực kéo sợi.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Có tọa độ X=691389.448, Y=1214439.565;
- Nguồn số 02: Có tọa độ X=691353.380; Y= 121391.790;
- Nguồn số 03: Có tọa độ X= 691375.644; Y=1214400.374;
- Nguồn số 04: Có tọa độ X=691366.284; Y=1214369.508.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 3.1. Tiếng ồn:

| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|---------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------|
| 1  | 70                        | 55                        | -                          | Khu vực thông thường |

#### 3.2. Độ rung:

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) |                     | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|--|---------------------|----------------------------|----------------------|
|    | Từ 6 giờ đến 21 giờ  | Từ 21 giờ đến 6 giờ |                            |                      |
| 1  | 70   | 60                  | -                          | Khu vực thông thường |

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

**2.1.** Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**2.2.** Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22./GPMT-UBND ngày 07 tháng 5 năm  
2024 của UBND thành phố Tân Uyên).

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại phát sinh trung bình 1 năm cụ thể sau:

| STT | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại | Mã CTNH  | Ký hiệu phân loại | Khối lượng đăng ký (kg/năm) |
|-----|--|--------------------|----------|-------------------|-----------------------------|
| 1   | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại                                     | Rắn                | 08 02 04 | KS                | 3                           |
| 2   | Bùn từ HTXLNT sinh hoạt; Bùn từ bể lắng và mương thu gom nước dột sợi nhựa     | Bùn                | 12 06 06 | NH                | 20.000                      |
| 3   | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải                      | Rắn                | 16 01 06 | NH                | 24                          |
| 4   | Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác                             | Lỏng               | 17 02 04 | NH                | 240                         |
| 5   | Bao bì cứng thải bằng kim loại gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn | Rắn                | 18 01 02 | KS                | 60                          |
| 6   | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật                                     | Rắn                | 18 02 01 | KS                | 1.000                       |



|      |   |     |          |    |        |
|------|---|-----|----------|----|--------|
|      | liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại |     |          |    |        |
| 7    | Pin, ắc quy chì thải  | Rắn | 19 06 01 | NH | 3      |
| Tổng |   |     |          |    | 21.330 |

## 1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng:

| STT         | Nhóm CTRCNTT                       | Khối lượng (kg/năm) |
|-------------|------------------------------------|---------------------|
| 1           | Bao bì chứa hạt nhựa, sợi chỉ nhựa | 10.000              |
| 2           | Nhựa phế thải                      | 511.344             |
| 3           | Giấy carton                        | 500                 |
| <b>TỔNG</b> |                                    | <b>521.384</b>      |

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý:

| STT         | Nhóm CTRCNTT | Khối lượng (kg/năm) |
|-------------|--------------|---------------------|
| 1           | Kính vỡ      | 25                  |
| 2           | Pallet       | 60                  |
| 3           | Dầu ăn thải  | 9                   |
| <b>TỔNG</b> |              | <b>94</b>           |

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

| STT         | Tên chất thải      | Khối lượng (kg/ngày) |
|-------------|--------------------|----------------------|
| 1           | Rác thải sinh hoạt | 100                  |
| <b>TỔNG</b> |                    | <b>100</b>           |

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: 04 thùng nhựa 5 lít, 3 bao PE (25kg) chuyên dụng.

- Tất cả các thùng lưu trữ CTNH là loại thùng nhựa chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

### 2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Tường gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín mít, không bị thấm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định và có biển báo ghi rõ “Khu vực lưu chứa CTNH” và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại chất thải đang lưu trữ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 06 bao PP (25kg) chứa chuyên dùng.

### 2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 25 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Cấu tạo kết cấu nền bê tông, tường bao xây gạch, có mái che, có cửa khóa; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có biển báo ghi rõ tên khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng dung tích 240 lít.

### 2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết phải có nền bê tông chống thấm, không bị ứ đọng nước mưa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

**3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:** không có.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.



## Phụ lục 5

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23./GPMT-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại hướng Bắc phía trước của cơ sở (tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của cơ sở hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH C&H Tarps".
3. Hồ ga thoát nước mưa cuối cùng của cơ sở trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước mưa khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại hướng Bắc phía trước của cơ sở (tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước mưa của cơ sở hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước mưa của Công ty TNHH C&H Tarps".
4. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.
8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành



9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.